

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý tài nguyên, bảo vệ
môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu,
bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2022 - 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước ngày càng được tỉnh Quảng Ninh coi trọng theo hướng đổi mới toàn diện, mạnh mẽ tư duy phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia. Tỉnh đã lập đồng bộ các quy hoạch chiến lược về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên than, khoáng sản, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản chỉ đạo, một số cơ chế, chính sách; huy động các nguồn lực, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa tỉnh với ngành than trong xử lý những vấn đề về bảo vệ môi trường, quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; dành nguồn lực lớn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngành nước, bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. Kịp thời có các chủ trương, chính sách, giải pháp đúng đắn đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, tái cơ cấu nền kinh tế, tích cực chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, thực hiện thành công ba đột phá chiến lược. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện được phát huy. Nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được nâng lên.

Công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường, đạt nhiều kết quả tích cực; ô nhiễm môi trường cơ bản được kiểm soát; khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên bước đầu đạt những kết quả tích cực, đất đai ngày càng được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả; cơ bản chấm dứt tình trạng khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh than trái phép; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản, chú trọng bảo vệ rừng và đa dạng sinh học. Đến hết năm 2021, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 55%, cao hơn mức trung bình của cả nước, từng bước cải thiện chất lượng rừng, tăng tỷ lệ rừng cây gỗ lớn, diện tích rừng ngập mặn đứng đầu khu vực phía Bắc.

2. Trong quá trình phát triển bền vững, Quảng Ninh vẫn đang đứng trước những mâu thuẫn, thách thức cơ bản đòi hỏi không được chủ quan, tự mãn: Đó là mâu thuẫn giữa phát triển công nghiệp, đặc biệt là khai thác than, đô thị hóa nhanh với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn, nhất là ven bờ Vịnh Hạ Long, Cửa Lục và Bái

Từ Long đang gây hậu quả ô nhiễm môi trường; giữa bảo đảm phát triển bền vững với hóa giải những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn những hạn chế, yếu kém như: (1) Có nơi, có lúc vẫn còn để xảy ra ô nhiễm môi trường đất, không khí, nước ở mức độ khác nhau, nhất là trong hoạt động khai thác than, sản xuất xi măng, nhiệt điện; (2) Hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt, công nghiệp tại các đô thị lớn chưa đồng bộ, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, suy thoái cảnh quan; đa dạng sinh học có xu hướng bị suy giảm; (3) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, khoáng sản, đất đai, bảo vệ môi trường có mặt còn yếu; công tác lập, thực hiện quy hoạch khoáng sản còn chậm, trình độ công nghệ khai thác khoáng sản ngoài than còn thấp; chậm quy hoạch không gian biển; việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và vùng bờ chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. (4) Công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu có mặt còn bất cập, hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, một số nơi còn tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, ngập lụt, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người dân và phát triển kinh tế - xã hội. (5) Chưa tạo được đột phá trong huy động nguồn lực tổng hợp, nhất là trong khu vực ngoài nhà nước và trong Nhân dân đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào bảo vệ môi trường, khai thác, chế biến, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu...

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do: Nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận không nhỏ người dân, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên về công tác bảo vệ môi trường, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước còn hạn chế. Năng lực quản lý nhà nước, quản trị tài nguyên, môi trường, quản trị nguồn nước, phòng tránh, giảm thiểu tác động của thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu còn hạn chế; còn thiếu các cơ chế, chính sách đủ mạnh; huy động nguồn lực tổng hợp đầu tư cho công tác này chưa tương xứng với sự phát triển của địa phương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị có mặt chưa chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, phối hợp xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập còn chưa thường xuyên liên tục, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe.

II- QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

(1) Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước giữ vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; luôn coi bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững; nâng cao chất lượng sống của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu, là mục tiêu cốt lõi, hướng tới người dân được hưởng chất lượng môi trường ngang bằng với các nước tiên tiến trên thế giới.

(2) Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước phải gắn liền với quan điểm, định hướng phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, phát triển đô thị xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số... kiên trì thực hiện chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”

theo hướng bền vững, dựa vào ba trụ cột là thiên nhiên - con người - văn hóa; xây dựng văn minh sinh thái, lấy tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm góp phần xây dựng, phát triển Quảng Ninh là địa phương điển hình về thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình Nghị sự 2030 của Liên Hợp quốc về tiêu chí tài nguyên, môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu và Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

(3) Không thu hút đầu tư bằng mọi giá; không đánh đổi công bằng, tiến bộ xã hội và môi trường để “chạy theo” tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và phát huy bền vững Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; bảo vệ tích cực các khu vực có tính đa dạng sinh học cao; bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên tại các vùng đất ngập nước quan trọng và các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt môi trường Vịnh Cửa Lục, Bái Tử Long, các khu bảo tồn thiên nhiên; tăng diện tích rừng cảnh quan tại các trung tâm du lịch. Hạn chế tối đa chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn. Huy động sức mạnh tổng hợp, mọi nguồn lực đầu tư, ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước, từ các thành phần kinh tế đầu tư nhằm thực hiện đạt hiệu quả mục tiêu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập.

2. Mục tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; chủ động và tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập; hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ít phát thải, các-bon thấp, góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và thuộc nhóm các địa phương đi đầu cả nước về thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2025: Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, các xã đảo, xã có hoạt động du lịch bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 99%; thực hiện hiệu quả phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và hạn chế chôn lấp.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải khu đô thị tập trung tại các địa phương: Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn, Quảng Yên đến năm 2025 đạt trên 65%, đến năm 2030 đạt trên 70%; các địa phương: Đông Triều, Uông Bí, Móng Cái đến năm 2025 đạt trên 30%, đến năm 2030 đạt trên 50%; 100% các dự án được cấp phép mới đầu tư theo quy hoạch

xây dựng hạ tầng dân cư đô thị, các dự án phát triển kinh tế - xã hội xung quanh vịnh Cửa Lục, vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và tại các đô thị bảo đảm phải có hệ thống thu gom, xử lý triệt để nước thải.

- Giữ vững tỷ lệ che phủ rừng 55% đến năm 2025, trên 50% đến năm 2030 và nâng cao chất lượng rừng. Đến năm 2025: 98% hộ gia đình ở đô thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Đến năm 2030: 100% hộ gia đình ở đô thị, trên 85% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- Đến năm 2025: Hoàn thành cơ sở dữ liệu số về đất đai trên địa bàn tỉnh; bảo đảm 80% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu trên lưu vực các sông; đến năm 2030 là 90%. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%.

- Quản lý hiệu quả Khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần tại huyện Cô Tô, Khu bảo tồn đất ngập nước Đồng Rui tại huyện Tiên Yên và hoàn thành việc đề xuất quốc tế công nhận Khu bảo tồn đất ngập nước Đồng Rui là khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Khu Ramsar) trong giai đoạn 2022 - 2025.

2.2.2. Về quản lý giảm thiểu thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Đến năm 2025: 100% hộ dân được tiếp cận thông tin cảnh báo sớm thiên tai; giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương giai đoạn 2015 - 2020, đến năm 2030 là 40%;

- Chậm nhất đến năm 2027: Hoàn thành kiểm kê khí nhà kính và bảo đảm mức phát thải khí nhà kính luôn nằm dưới ngưỡng trung bình quốc gia.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu về công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của đảng, pháp luật của nhà nước, các văn bản của tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các lĩnh vực nêu trên.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý môi trường, tài nguyên tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý môi trường, tài nguyên thiên nhiên, nhất là ở cấp xã và trong lĩnh vực môi trường biển

và hải đảo, biến đổi khí hậu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; chú trọng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng đủ nhân lực chuyên sâu, đặc biệt tại các cơ quan cấp tỉnh. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về quản lý, quản trị tài nguyên, môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm, vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, gây thất thoát theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên than, khoáng sản (cát, đá, sỏi, đất sét, đất san lấp...), tài nguyên rừng. Tăng cường hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm tội phạm môi trường và các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

1.2. Tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước

- Lồng ghép chính sách về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước trong các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài thúc đẩy thực hiện có hiệu quả các mục tiêu tăng trưởng xanh. Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên,... đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Không cấp phép mở rộng, gia hạn thời gian sử dụng đất đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu và tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Không khuyến khích thu hút các dự án sử dụng đất có quy mô lớn, suất đầu tư nhỏ, giá trị gia tăng thấp, công nghệ lạc hậu, thâm dụng năng lượng, nước, lao động...

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành đối với công tác quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên than, khoáng sản, đặc biệt là đất đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, đất lấn biển, đất có nguồn gốc lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, mặt nước ven biển; thường xuyên rà soát, kịp thời phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng, vi phạm quy định pháp luật trong lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, nhất là quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đấu giá tài sản, đấu thầu dự án, đấu giá quyền sử dụng đất nhằm trục lợi, tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước.

- Tích cực cải tạo, phục hồi đất bị thoái hóa, bạc màu cùng với việc đưa diện tích đất tự nhiên chưa sử dụng vào sử dụng bền vững. Thường xuyên, liên tục rà soát, xử lý, thu hồi các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm tiến độ, chậm triển khai, vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh. Công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các cơ chế, chính sách trong quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định. Hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh, cấp huyện; đơn giản hóa và rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nâng mức độ hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai.

- Phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trọng điểm là ngành Than, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng theo quy hoạch. Tăng sản lượng hợp lý khai thác than lộ thiên, đẩy nhanh tiến độ kết thúc khai thác và đóng cửa các mỏ than lộ thiên theo đúng lộ trình đối với các dự án tại các vùng Hạ Long, Cẩm Phả; tăng dần sản lượng khai thác than hầm lò và hiện đại hóa công nghệ khai thác, giảm tối đa tổn thất tài nguyên, bảo đảm phát triển bền vững, cùng song hành giữa ngành than và ngành du lịch; chú trọng công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; thiết lập các vành đai cây xanh, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh than... đến cuộc sống của người dân, môi trường, cảnh quan du lịch, khu đô thị xung quanh.

Thực hiện đúng mục tiêu, lộ trình chấm dứt khai thác để cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ, không gia hạn đối với các mỏ đá nằm dọc các tuyến đường cao tốc, các tuyến quốc lộ, khu vực cảnh quan trên đất liền ven các vịnh và khu đô thị, du lịch trên địa bàn Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn. Tăng cường quản lý, kiểm soát, hạn chế tối đa can thiệp, tác động, san gạt làm phá vỡ địa hình, cảnh quan tự nhiên, suy giảm diện tích rừng đối với các khu vực đồi, núi, rừng nằm trong đô thị, xung quanh Vịnh Cửa Lục, Hạ Long, Bái Tử Long.

- Thực hiện đúng lộ trình chậm nhất đến năm 2030 chấm dứt hoạt động, di dời các nhà máy xi măng, nhiệt điện có ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường theo các quy hoạch, chủ trương của tỉnh; kiên quyết không cấp phép mới, gia hạn, mở rộng quy mô, nâng công suất để ưu tiên phát triển công trình công cộng, cây xanh, giáo dục, y tế và hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch.

- Quản lý chặt chẽ bờ biển, các đảo đá, đảo đất trên các vịnh đảm bảo đúng Luật Bảo vệ môi trường biển đảo; quy hoạch, quản lý sử dụng bền vững không gian biển, đảo theo các vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền, đặc biệt là thành phố Hạ Long, Huyện Vân Đồn, Hải Hà... và các lưu vực sông liên vùng, biên giới. Bảo vệ nghiêm ngặt môi trường, đa dạng sinh học, các giá trị tài nguyên thiên nhiên của Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Bái Tử Long - Vườn Di sản ASEAN, Rừng Quốc gia Yên Tử, Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng... Thành lập Khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh Quảng Nam Châu tại huyện Hải Hà; Khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần tại huyện Cô Tô. Hoàn thành hồ sơ đề xuất quốc tế công nhận Khu bảo tồn đất ngập nước Đồng Rui là khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Khu Ramsar). Nghiên cứu thành lập các hành lang đa dạng sinh học để tăng cường kết nối, ổn định các sinh cảnh thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên đa dạng sinh học.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững, phấn đấu đến hết năm 2025 trồng mới ít nhất 5.000 ha rừng cây gỗ lớn lim, lát, dổi... chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn xen kẽ các loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng có giá trị kinh tế cao. Không mở rộng diện tích trồng keo, bạch đàn; không cấp phép mới, gia hạn, nâng công suất các dự án chế biến gỗ thô; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gỗ sâu nhằm gia tăng giá trị ngành gỗ. Chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học tại các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, bảo tồn hệ sinh thái núi đá tại Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long và vùng phụ cận. Trọng điểm là tăng cường kiểm soát, quản lý, bảo vệ các khu rừng ngập mặn hiện có tại các vị trí tiếp giáp với các tuyến đường bao biển, đường cao tốc, tuyến đường ven sông tốc

độ cao, xung quanh Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Cửa Lục. Bảo vệ và phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng; trong đó mở rộng diện tích gắn với bảo vệ hệ sinh thái tại các khu bảo tồn thiên nhiên và di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Bái Tử Long, rừng quốc gia Yên Tử, các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh.

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học gắn với các biện pháp bảo tồn dựa trên khu vực hiệu quả khác (OECM). Chú trọng xây dựng và phục hồi các hệ sinh thái cốt lõi đối với nguồn lợi thủy sản: rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, các khu vực cửa sông, ven biển, biển được xác định là bãi đẻ, ương dưỡng, khu vực giống của các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế, các loài đặc hữu, bản địa (sá sùng, ngán, rươi...). Quản lý bền vững các nguồn tài nguyên ven biển có sự tham gia của cộng đồng và xúc tiến du lịch sinh thái, xây dựng và áp dụng cơ chế đồng quản lý nguồn lợi thủy sản.

- Hạn chế tối đa việc lấn biển, lấn mặt nước, sông, suối để phát triển đô thị. Các khu đô thị ven biển, quy hoạch xây dựng mới phát triển theo hướng thông minh, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Phân đầu tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị vượt chuẩn theo tiêu chí phân loại đô thị; quy hoạch, xây dựng, phát triển các công viên cây xanh cấp đô thị và khu vực hiện đại, đa mục tiêu. Phân đầu xây dựng khu vực nông thôn hướng tới tiêu chuẩn đô thị văn minh, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, văn minh và nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp; tăng cường quản lý chất thải rắn ở nông thôn và kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng nước thải chăn nuôi sau xử lý, tạo bước chuyển căn bản chất lượng môi trường nông thôn và tiền đề vững chắc về bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa khu vực nông thôn.

- Bám sát nguyên tắc “*người gây ô nhiễm môi trường, người hưởng lợi từ môi trường trong sạch phải trả tiền*”; tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, nhất là nước thải công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp, các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; áp dụng thu phí, giá dịch vụ theo nguyên tắc “*thu đúng, thu đủ*” đối với các đối tượng thụ hưởng các dịch vụ môi trường, bổ sung nguồn vốn cho công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường xen kẽ trong khu dân cư, không phù hợp quy hoạch đô thị vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn và lộ trình 02 bộ quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường và vật liệu làm phao nổi trong nuôi trồng thủy sản lợ, mặn. Nâng cao chất lượng lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quy hoạch, cấp phép xây dựng, chỉ cấp phép khi các yếu tố môi trường được bảo đảm, cương quyết không sử dụng công nghệ ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường kiểm soát chất lượng môi trường các khu vực nhạy cảm, có nhiều hoạt động kinh tế - xã hội đan xen đa dạng như: Vịnh Hạ Long, vịnh Cửa Lục, vịnh Bái Tử Long, Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, Khu kinh tế Vân Đồn, Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà... Kiểm soát môi trường không khí các nút giao thông có hoạt động vận chuyển than, khu vực đô thị, khu công nghiệp, xi măng, nhiệt điện... và kiểm soát chặt chẽ công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, nhất là chất thải y tế.

- Chú trọng phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác tài nguyên than, khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập...

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là địa phương có biển. Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo. Xây dựng chương trình hành động giảm nhẹ khí nhà kính để bảo đảm giảm mức phát thải khí nhà kính luôn nằm dưới ngưỡng trung bình quốc gia.

2. Xây dựng, hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

- Đầu tư nguồn lực hợp lý phù hợp với khả năng cân đối từ ngân sách nhà nước ở các cấp và huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách thông qua các chương trình, đề án, dự án để đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước. rà soát bổ sung quy hoạch quản lý chất thải rắn, triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị; chú trọng sử dụng công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Hoàn thành đúng tiến độ dự án xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố Hạ Long, Móng Cái và đầu tư dự án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt cho các khu vực đô thị tập trung, ưu tiên tại các địa phương: Cẩm Phả, Vân Đồn, Quảng Yên, Đông Triều, Uông Bí.

Xây dựng, tổ chức quản lý, thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025, trong đó lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chí, quy định, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước phù hợp với thực tiễn trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương.

- Khẩn trương xây dựng bộ tiêu chí sàng lọc, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, năng lượng; khuyến khích các dự án sử dụng công nghệ xanh, sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường, công nghệ tái chế, tái sử dụng...; phát triển các mô hình khu công nghiệp ven biển theo hướng sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, tái sử dụng nước.

3. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo; chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thân thiện môi trường; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; phát

triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ít phát thải, các - bon thấp, kết hợp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu phù hợp điều kiện đặc thù của tỉnh. Tăng cường công tác điều tra cơ bản, đánh giá tổng thể về chất lượng, tiềm năng, các nguồn tài nguyên: đất, nước (nước mặt, nước ngầm), biển, hải đảo, khoáng sản, rừng, cảnh quan du lịch, năng lượng, môi trường...

- Khuyến khích các đơn vị ngành than, xi măng, nhiệt điện thực hiện hiện đại hóa công nghệ khai thác, sản xuất và đầu tư đổi mới, bổ sung công nghệ, trang thiết bị tiên tiến, phù hợp, áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm tối đa tổn thất tài nguyên, nâng cao hiệu quả xử lý, tái sử dụng nước thải, đất đá thải, tro, xỉ thải... Tăng cường ứng dụng công nghệ khoa học để tận dụng, tái chế, tái sử dụng các chất thải, nước thải, đất, đá thải mỏ.

- Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực, chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thường xuyên xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai.

4. Chủ động tích trữ, điều hòa, phân phối; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Bảo đảm đủ số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý; người dân ở khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo được sử dụng nước sạch, đạt tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng nước cấp ở khu vực đô thị. Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn hồ, đập chứa nước; ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (4) Nhu cầu sử dụng nước cho thủy sản và các lĩnh vực khác.

- Củng cố và nâng cấp các hồ chứa nước hiện có đã xuống cấp, nghiên cứu xây dựng bổ sung thêm một số hồ chứa nước dự phòng có tính khả thi cao, thực sự hiệu quả, theo quy hoạch để tăng cường bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và hệ sinh thái rừng đầu nguồn, nhất là rừng Đồng Sơn - Kỳ Thượng, rừng phòng hộ Yên Lập, hồ Cao Vân... Triển khai cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất và nước mặt. Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước mặt và nước dưới đất. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước từ các nguồn thải. Xây dựng các công trình phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn và tiêu úng như các trạm bơm, cống tiêu, nạo vét trục tiêu. Rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để gia cố, nâng cấp. Ổn định mái dốc, chống sạt lở cho những khu vực có nguy cơ lũ quét cao... Củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng.

5. **Đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác khu vực và quốc tế**

Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường liên vùng, nhất là liên quan đến bảo vệ nguồn nước, môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học; kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung; đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các địa phương biên giới của Trung Quốc thực hiện Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển chất thải nguy hại qua biên giới; hợp tác quản lý vệ sinh môi trường, chống ô nhiễm nguồn nước sông biên giới Móng Cái - Khu Phòng Thành và hợp tác trong triển khai phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ, bảo vệ môi trường xuyên biên giới, ứng phó sự cố môi trường nước. Tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ hợp tác phát triển về quản lý, sử dụng tài nguyên môi trường, bảo vệ môi trường, giảm thiểu thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu cùng các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU), Bắc Mỹ, Nga, Khu vực Châu Á, Đông Nam Á...

- Tăng cường hợp tác phát triển công nghệ xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tiên tiến. Vận động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế (tài chính, kinh nghiệm, chuyên gia công nghệ...) thông qua hợp tác song phương và đa phương; tham gia các hoạt động hợp tác khu vực và toàn cầu về biến đổi khí hậu.

- Duy trì và phát triển mối quan hệ với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), phát huy hiệu quả Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, Bái Tử Long.

6. **Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phát triển năng lượng tái tạo, chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường, quản trị an ninh phi truyền thống**

- Có lộ trình chấm dứt khai thác đất, đá đồi tự nhiên làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các địa bàn Đông Triều, Quảng Yên, Uông Bí, Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn; tập trung sử dụng đất, đá thải mỏ, tro, xỉ thải từ các nhà máy nhiệt điện làm vật liệu san lấp mặt bằng nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản.

- Đẩy mạnh xúc tiến và thu hút đầu tư thực hiện các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị theo mô hình hệ sinh thái chất thải rắn khép kín, các dự án phát điện từ rác thải, các dự án thu hồi nhiệt phục vụ sản xuất...; thu hút tối đa các dự án năng lượng mới sử dụng nhiên liệu sạch như điện khí LNG, đặc biệt là khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi và ven bờ rất dồi dào. Nâng cao tỷ lệ tái sử dụng nước thải mỏ, nước thải sinh hoạt, nước thải khu công nghiệp sau xử lý; cải tạo phục hồi các moong khai thác khoáng sản lộ thiên sau khi đóng cửa mỏ ở những vị trí phù hợp với điều kiện địa chất, địa hình nhằm tận dụng làm các hồ chứa nước...

- Nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu, thông tin giám sát tài nguyên và môi trường, bảo đảm kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành liên quan. Đẩy mạnh khai thác dữ liệu số và Trung tâm GIS vùng; củng cố và khai thác có hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường (tự động, định kỳ); định kỳ cập nhật thông tin nguồn thải trên phương tiện số theo từng đối tượng, địa bàn... Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, ngành nước và hoàn thành việc chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường trước năm 2025.

- Xây dựng kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; xây dựng bộ tiêu chí về quản trị an ninh môi trường, an ninh nguồn nước; thực hiện phòng ngừa, ứng phó giải quyết có hiệu quả các vi phạm, sự cố, các xung đột xã hội liên quan tới đất đai, nước, khoáng sản, đa dạng sinh học, môi trường, đặc biệt tại khu vực ven biển, biển và hải đảo; thực hiện phương châm “3 trước”, “4 tại chỗ”, tích cực, chủ động, từ xa, từ sớm, từ cơ sở trong quản trị an ninh phi truyền thống.

7. Nâng cao chất lượng truyền thông, giáo dục; phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Mở rộng đối tượng, đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung tuyên truyền, coi trọng công tác truyền thông, giáo dục, cảnh báo các nguy cơ, rủi ro thiên tai, các giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu đến từng hộ gia đình, các đối tượng dễ giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác truyền thông, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi, trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cộng đồng xã hội và Nhân dân trong tham gia quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, giám sát của người dân, cộng đồng. Vận động nhân dân đăng ký thực hiện phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nilon. Xây dựng, duy trì, phát triển nhân rộng các mô hình toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; trồng, bảo vệ chăm sóc cây xanh, “ngày Chủ nhật xanh”...; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, gương điển hình, sáng tạo trong thực hiện Nghị quyết.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Chỉ đạo việc nghiên cứu, học tập, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; kịp thời nắm tình hình, chỉ đạo xử lý, giải quyết có hiệu quả các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh: Chỉ đạo thể chế hóa Nghị quyết; rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn khách quan của tỉnh.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết, trong đó nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước; tập trung thu hút mọi nguồn lực đầu tư triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm tiến độ, hiệu quả, phù hợp thực tế bảo đảm quy định của pháp luật; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh: Chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; chủ động rà soát, bổ sung các chỉ tiêu, huy động tổng hợp các nguồn lực thực hiện, đưa nội dung thực hiện Nghị quyết vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm đếm, đánh giá, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Truyền thông tỉnh hướng dẫn học tập, nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đưa Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống.

6. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; cụ thể hóa nhiệm vụ tuyên truyền, vận động; chủ trì, phối hợp làm tốt công tác giám sát và phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện Nghị quyết đạt kết quả cao nhất.

7. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này theo địa bàn, lĩnh vực công tác được phân công phụ trách, theo dõi.

8. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

9. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan có liên quan thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ (để b/cáo),
- UBKT Trung ương, các ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương đảng (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh, BCS đảng UBND tỉnh,
- Các ban đảng, đảng bộ trực thuộc tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Xuân Kỳ